

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ MỸ THO  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02-7-2020

V/v *Tranh chấp:*

*“Xin ly hôn”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Hoa.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Bà Nguyễn Thị Ba.

+ Bà Lê Thị Minh Thắm.

***Thư ký phiên tòa*** ông Phạm Nhật Minh – *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.*

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phi Yến -kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 809/2019/TLST-HNGĐ ngày 04-12-2019 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXX-ST ngày 26-5-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15-6-2020 giữa các đương sự:

*1/ Nguyên đơn:* Ông Trương Trọng H, sinh năm: 1985 (có mặt).

Địa chỉ: 56/6, đường V, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*2/ Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: 56/6, đường V, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ông Trương Trọng H trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị S chung sống với nhau năm 2014 có đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã, Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017, thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng vợ chồng vẫn duy trì cuộc sống chung, đến tháng 02/2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng bất đồng quan điểm trong cuộc sống về kinh tế, tiền bạc không tin tưởng nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Đến tháng 02-2018, thì vợ chồng chấm dứt quan hệ và sống ly thân cho đến nay. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị S.

Con chung: có 01 con Trương Tuấn K sinh ngày 23-9-2016, hiện nay bà S đang nuôi con, khi ly hôn ông H đồng ý để cho bà S trực tiếp nuôi con chung, ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bà Nguyễn Thị S được Tòa án triệu tập, tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy của pháp luật, nhưng bà S không đến tham gia các phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán tuân thủ đúng quy định của pháp luật như tiến hành xác minh, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật, nguyên đơn tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa các đương sự tuân thủ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tóm tắt và nhận định nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn của ông Trương Trọng H; Con chung giao cho bà Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi cháu Trương Tuấn K sinh ngày 23-9-2016, ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; Tài sản chung, nợ chung không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa ông Trương Trọng H và bà Nguyễn Thị S là tranh chấp “Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[2] Tại phiên tòa ông Trương Trọng H yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị S; Con chung có 01 con Trương Tuấn K sinh ngày 25-9-2016, khi ly ông H đồng ý để cho bà S trực tiếp nuôi con, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; Tài sản chung, nợ chung không có.

[3] Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị S đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bà S không đến tham gia phiên tòa và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến để Hội đồng xét xử xem xét. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị S.

Xét các yêu cầu của các đương sự:

[1] Về hôn nhân: Xét thấy ông Trương Trọng H và bà Nguyễn Thị S chung sống với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017, thì phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng vẫn duy trì cuộc sống chung đến tháng 02-2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống về kinh tế gia đình, tiền bạc không tin tưởng nhau, sau đó bà S mâu

thuần với mẹ chồng về việc nuôi con, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Từ đó ông H, bà S chấm dứt quan hệ vợ chồng sống ly thân không ai tới lui ai. Trong thời gian ông H, bà S sống ly thân ông bà không tới lui để trao đổi đưa ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ, ông H không liên lạc với bà S được mà ngày càng làm cho mâu thuẫn trầm trọng. Tại phiên tòa ông Trương Trọng H yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị S. Bà S được Tòa án tổng đặt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà S không đến tham gia phiên tòa và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của bà S cho Hội đồng xét xử xem xét. Như vậy coi như bà S từ bỏ ý kiến của bà. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa ông H, bà S đã rạn nứt mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Ông Trương Trọng H yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị S là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trương Trọng H.

[2] Về con chung: Có 01 con Trương Tuấn K sinh ngày 23-9-2016, hiện nay bà S đang nuôi. Xét thấy cháu Tuấn K từ nhỏ sống chung ông bà, nhưng từ ngày ông bà không sống chung, bà S trực tiếp nuôi cháu Tuấn K, ông H không tới lui thăm chăm sóc cháu Kiệt với bà S, bà S nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Tuấn K rất chu đáo, hơn nữa cháu Tuấn K chưa đủ 04 tuổi cần có sự chăm sóc của mẹ nhiều, có cuộc sống ổn định, không nên làm xáo trộn cuộc sống của cháu Tuấn K mà để cháu Tuấn K có cuộc sống, tư tưởng tâm lý ổn định. Tại phiên tòa ông H đồng ý để cho bà S trực tiếp nuôi cháu Tuấn K là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử giao cho bà S tiếp tục nuôi cháu Tuấn K.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị S là người trực tiếp nuôi con, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị S vắng mặt. Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông H.

[4] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận

[7] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ông Trương Trọng H pH chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình.

**Xử:**

**1/** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Trọng H

- Về hôn nhân: Ông Trương Trọng H được ly hôn với bà Nguyễn Thị S
- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi cháu Trương Tuấn K sinh ngày 23-9-2016. Ông Trương Trọng H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian thực hiện từ tháng 7-2020 đến cháu Tuấn K đủ 18 tuổi lao động được.

Ông Trương Trọng H có quyền đến trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

**2/** Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều a Khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Trương Trọng H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Ông H đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai số 0000690 ngày 04-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Ông H phải nộp tiếp 300.000 đồng.

**3/** Ông Trương Trọng H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP M;
- Chi cục THA dân sự TP M;
- Các đương sự;
- (Đăng ký kết hôn năm 2015  
UBND xã Đ, huyện  
Đ, Tỉnh Đ)
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

**Võ Thị Ngọc Hoa**